

Bản án số: 21/2021/HNGĐ

- ST Ngày: 15/6/2021.

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.TP.HN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà NGUYỄN THỊ NGUYỆT;

- Ông LÊ HUY TRỌNG.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông ĐỖ VĂN THƯỜNG, Thư ký Toà án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN có thông báo số: 11/TB-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2021 từ chối tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX - ST ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **NVD**, sinh năm 1994. ĐKNKTT và nơi ở: Thôn BN, xã TV, huyện TO, Tp.HN.

Bị đơn: Chị **VTT**, sinh năm 1999. ĐKNKTT và ở tại: Thôn BN, xã TV, huyện TO, Tp.HN.

Tại phiên tòa anh D có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai và các tài liệu khác anh NVD trình bày:

Anh và chị VTT quen biết nhau trong năm 2019, sau gần 01 năm thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 11/6/2020 tại UBND xã TV, huyện TO, HN, trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay, bản thân anh làm nghề tự do thường xuyên đi vắng, cho đến trước tết nguyên đán 2020 khi anh đi làm về đến nhà thì được bố mẹ đẻ cho biết chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của mình, anh

có gọi điện thoại, nhắn tin cho chị để hỏi lý do gì mà về nhà mình lại không thông báo cho anh biết nhưng chị T không trả lời, khi gia đình anh có công việc thì người nhà anh đến nhà gọi chị T về nhưng chị T không về, từ tháng 10 năm 2020 hai bên sống ly thân, nay anh thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Không có

Lời khai của Chị VTT:

- Về thời gian tìm hiểu, trình tự kết hôn nơi đăng ký kết hôn của hai vợ chồng, thời gian chung sống của vợ chồng như anh D trình bày là đúng chị không bổ sung thêm.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị đã trình bày trong bản tự khai và cũng như anh D trình bày, khi cưới nhau được khoảng 06 tháng thì anh D thường xuyên nhắn tin cho chị, đòi chia tay với lý do hai đứa không hợp nhau, cho đến gần tết âm lịch thì chị có xin phép bố chồng cho được về nhà đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh D khởi kiện ly hôn chị không đồng ý ly hôn, về giải pháp để vợ chồng đoàn tụ quay về chung sống với nhau thì chị không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ cả, cả hai gia đình bố mẹ hai bên cũng không nói chuyện gì về anh, chị cả. Cho đến nay tình yêu của chị với anh D còn hay hết chị cũng không biết nữa và có quan điểm không hòa giải với anh lần nào nữa.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Không có

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh NVD khởi kiện yêu cầu ly hôn chị VTT nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị VTT có hộ khẩu thường trú tại: xã TV, huyện TO, thành phố HN nên thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa chị T vắng mặt mặc dù được triệu tập nên việc xét xử vắng mặt chị T là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Anh NVD và chị VTT được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV vào ngày 11/6/2020 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung vun đắp hạnh phúc gia đình, từ tháng 10 năm 2020 anh, chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị được hòa giải để mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị T không đến hòa giải, chứng tỏ mong muốn đoàn tụ là không có, là căn cứ để xác định cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn; vì lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: không có

- *Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác*: không có nên không xem xét trong bản án này.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 227,271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Anh NVD được ly hôn chị VTT.

Về án phí: Anh NVD phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02447 ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/6/2021. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã TV;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG